

Điều 12. -

1. Trường hợp đặc biệt Lãnh sự có quyền tạm hoãn việc khởi hành hoặc yêu cầu tàu phải rời cảng gấp trước thời hạn.

Trường hợp đặc biệt là xảy ra chiến tranh, xung đột vũ trang trong khu vực lãnh sự, cảng bị phong tỏa hoặc trường hợp dự báo về thiên tai, dịch bệnh xảy ra trong khu vực lãnh sự nơi có cảng biển và các trường hợp cấp bách khác mà Lãnh sự biết được từ nguồn tin trong khu vực lãnh sự.

2. Khi gửi và ly lãnh sự lên tàu, lãnh sự phải cấp giấy ủy quyền cho thuyền trưởng có trách nhiệm như giao thông viên lãnh sự. Trong giấy ủy quyền phải ghi rõ số lượng valy lãnh sự. Valy lãnh sự phải có dấu hiệu bên ngoài chỉ rõ các gói tạo thành bên trong và chỉ được chứa giấy tờ, tài liệu, đồ vật của công. Nghiêm cấm chứa hàng lậu, đồ vật cá nhân.

3. Trong phạm vi hoạt động bảo vệ quyền lợi công dân và nếu điều kiện an toàn hàng hải của tàu cho phép, Lãnh sự có thể gửi công dân Việt Nam lên tàu. Người được gửi lên tàu phải thanh toán mọi phí tổn.

Điều 13. -

Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận kháng nghị hàng hải là cơ quan lãnh sự có khu vực lãnh sự nơi tàu Việt Nam cập cảng đầu tiên, sau khi xảy ra sự cố.

Lãnh sự có quyền hỏi hai nhân chứng của tàu hoặc yêu cầu thuyền trưởng, hay bất kỳ thuyền viên nào báo cáo về sự việc xảy ra, có quyền yêu cầu thuyền trưởng xuất trình nhật ký tàu và các tài liệu có liên quan, Lãnh sự xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

2. Lãnh sự chứng thực kháng nghị hàng hải nếu có đủ căn cứ để khẳng định việc kháng nghị là đúng sự thật. Nếu cần, Lãnh sự có thể trưng cầu giám định. Chủ tàu có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí cho việc giám định.

Điều 14. -

Những quy định từ điều 11 đến điều 13 của Nghị định này cũng được áp dụng phù hợp đối với máy bay và các phương tiện giao thông vận tải khác của Việt Nam.

CHƯƠNG IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. - Bộ Ngoại giao có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Pháp lệnh lãnh sự và Nghị định này.

Điều 16. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 17. - Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T/M Hội đồng Bộ trưởng

Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

CHỦ TỊCH**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 196-CT ngày 5-6-1992 về việc chuyển các tổ chức kinh tế đã đăng ký và đang hoạt động theo Quyết định số 268-CT ngày 30 tháng 7 năm 1990 sang đăng ký và hoạt động theo loại doanh nghiệp mới phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ hệ thống pháp luật hiện hành quy định việc thành lập, đăng ký và hoạt động của các loại doanh nghiệp;

09652928

Căn cứ kết luận rút ra từ đợt kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 268-CT ngày 30 tháng 7 năm 1990;

Để việc thành lập, đăng ký và hoạt động của các doanh nghiệp đều được quản lý thống nhất theo hệ thống pháp luật hiện hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Tất cả các tổ chức kinh tế đã thành lập, đăng ký và đang hoạt động theo Quyết định số 268-CT ngày 30 tháng 7 năm 1990, nay đều phải đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành về các loại doanh nghiệp mà đăng ký lại: mỗi tổ chức kinh tế có điều kiện phù hợp với loại doanh nghiệp nào thì phải làm thủ tục thành lập, đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành đối với loại doanh nghiệp ấy, cụ thể như sau:

- Nếu tổ chức thành doanh nghiệp Nhà nước, thì thực hiện theo đúng quy trình đã xác định trong Nghị định số 388-HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 và Nghị định số 156-HĐBT ngày 7 tháng 5 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Nếu tổ chức thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty cổ phần, thì thực hiện theo Luật Công ty ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Nghị định số 222-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Nếu tổ chức thành hợp tác xã và tổ hợp tác thì thực hiện theo các Nghị định số 28-HĐBT ngày 9 tháng 3 năm 1988, số 146-HĐBT ngày 24 tháng 9 năm 1988 và Quyết định số 49-HĐBT ngày 22 tháng 5 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Nếu tổ chức thành doanh nghiệp tư nhân, thì thực hiện theo Luật doanh nghiệp tư nhân, ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Nghị định số 221-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221-HĐBT vừa nêu, thì thực hiện theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2.- Các cơ quan Nhà nước, đoàn thể, viện nghiên cứu, trường học, tổ chức xã hội, v.v... đã quyết định thành lập các tổ chức kinh tế theo Quyết định số 268-CT ngày 30 tháng 7 năm 1990

hoặc theo các văn bản trước đó đều có nhiệm vụ xem xét lại và tiến hành các công việc cần thiết để chuyển các tổ chức kinh tế hiện do mình quản lý sang các loại doanh nghiệp mới nói ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3.- Các tổ chức kinh tế đã thành lập theo Quyết định số 92-CT ngày 22 tháng 4 năm 1989 chưa đăng ký lại theo Quyết định số 268-CT, các tổ chức kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ hoặc thuộc bất kỳ cơ quan nào khác được thành lập trên cơ sở vận dụng các Quyết định số 92-CT và số 268-CT, từ nay cũng đều chuyển hẳn sang một hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh hiện đang được pháp luật cho phép theo đúng Quyết định này.

Điều 4.- 5 tháng sau ngày ký quyết định này, tất cả các tổ chức kinh tế đã đăng ký và đang hoạt động theo các Quyết định số 92-CT và số 268-CT hoặc vận dụng các quyết định đó đều phải hoàn tất thủ tục thành lập và đăng ký hoạt động vào loại doanh nghiệp phù hợp nói ở Điều 1 trên đây. Đồng thời, phải giải quyết xong các tồn tại về tổ chức cũng như hoạt động (hoàn thành và thanh lý các hợp đồng, không ký kết những hợp đồng mới mà thời gian hoàn thành vượt quá thời hạn phải chuyển sang loại doanh nghiệp phù hợp, thanh toán công nợ v.v...) để chuyển sang loại doanh nghiệp mới hoặc phải giải thể nếu không đủ điều kiện tiếp tục hoạt động.

Điều 5.- Quá thời hạn nói ở Điều 4 trên đây, các tổ chức kinh tế được thành lập theo Quyết định số 268-CT hoặc vận dụng Quyết định số 268-CT (kể cả các cơ sở dịch vụ đời sống của các doanh nghiệp tự lập ra, không thuộc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp) đều không được phép hoạt động nữa, mà phải bị thu hồi con dấu, phong tỏa tài khoản, rút giấy phép kinh doanh, kể cả giấy phép xuất - nhập khẩu (nếu có). Ban chỉ đạo quản lý thị trường Trung ương đôn đốc các cơ quan chức năng kiểm soát thị trường của Nhà nước tiến hành kiểm tra, nếu phát hiện tổ chức kinh tế nào hoạt động mà không có giấy phép theo quy định mới thì kiên quyết xử lý theo pháp luật.

Điều 6.- Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành quyết định này; chỉ đạo các cơ quan tài chính ở các cấp, các ngành quản lý chặt chẽ tài sản của Nhà nước mà các tổ chức kinh tế theo

Quyết định số 268-CT đang sử dụng, không để tài sản bị thất thoát hoặc lợi dụng, biến thủ khi các tổ chức kinh tế này chuyển sang doanh nghiệp mới hoặc bị giải thể; đồng thời có quy định cụ thể việc đánh giá tài sản, việc phân phối lợi nhuận và xử lý các vấn đề tài chính khác của các tổ chức kinh tế sau khi đã chuyển sang loại doanh nghiệp mới, bảo đảm lợi ích của các chủ sở hữu các tài sản trong doanh nghiệp.

Điều 7.- Quyết định này thay thế Quyết định số 268-CT ngày 30 tháng 7 năm 1990 và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 8.- Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức việc thi hành Quyết định này.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
VÕ VĂN KIẾT.

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 201-CT ngày 8-6-1992 về việc quân đội tham gia quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng.

Theo tinh thần của Luật bảo vệ và phát triển rừng: rừng là tài nguyên quý báu của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, gắn liền với đời sống của nhân dân và sự sống còn của dân tộc. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân có nghĩa vụ bảo vệ, phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Do có nhiều đơn vị đóng trên các địa bàn rừng núi, biên giới, hải đảo của Tổ quốc với đông đảo lực lượng trẻ, lại được tổ chức, chỉ huy chặt chẽ nên quân đội ta có nhiều khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo vệ và phát triển rừng, tham gia quản lý rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Để tổ chức cho bộ đội tham gia một cách thiết thực, có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị:

1. Từ nay, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và các nhiệm vụ khác, quân đội có trách nhiệm tham gia quản lý, bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng với những nội dung cụ thể sau đây:

- Tại địa bàn đóng quân, thủ trưởng các đơn vị quân đội có nhiệm vụ tổ chức giáo dục bộ đội thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ và phát triển rừng, tự giác tham gia trồng rừng và bảo vệ rừng, không chặt cây, khai thác rừng sai quy định.

Trước mắt, Bộ Quốc phòng cần phối hợp với các ngành để chỉ đạo các đơn vị bộ đội đóng quân ở các vùng có rừng nghiêm cấm chặt đốt thay gỗ, củi. Ở những nơi có điều kiện thay thế gỗ, củi bằng các chất đốt khác thì phải thực hiện ngay trong năm 1992. Ở những nơi chưa có điều kiện thay thế, thì các đơn vị bộ đội chỉ được mua củi của các tổ chức được phép kinh doanh củi hoặc chỉ được thu hái củi khi được cơ quan có thẩm quyền của ngành lâm nghiệp qui hoạch vùng cho phép và chịu sự hướng dẫn của chủ rừng.

- Tổ chức trồng các loài cây lấy gỗ, lấy củi, cây ăn quả, cây đặc sản, cây phong cảnh... xung quanh doanh trại để cải thiện môi sinh, làm đẹp phong cảnh, che khuất doanh trại, tự túc gỗ củi, cải thiện đời sống bộ đội.

- Cùng với các tổ chức kinh tế khác tham gia các dự án trồng rừng tập trung góp phần hoàn thành thắng lợi chương trình của Nhà nước về phủ xanh đất trống, đồi trọc.

2. Để tạo điều kiện cho quân đội thực hiện được những nhiệm vụ nói trên, các Bộ ngành và Ủy ban Nhân dân các cấp phải thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

- Hàng năm căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Lâm nghiệp và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng, chức năng nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của từng đơn vị, Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong toàn quân; chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng kinh phí trồng rừng được cấp và báo cáo quyết toán với Bộ Tài chính.

- Căn cứ vào quỹ đất lâm nghiệp, Bộ lâm nghiệp cùng với Tổng cục quản lý ruộng đất xác định rõ quỹ mô diện tích và giao cho quân đội quản lý hoặc để trồng cây gây rừng theo quy